

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC
NÔNG THÔN CẤP TỈNH VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP
KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TL-NS ngày /7/2026
của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi)



Năm 2026

Hướng dẫn xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh
và kiểm tra, đánh giá độc lập kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC
NÔNG THÔN CẤP TỈNH VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP
KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TL-NS ngày /7/2026
của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi)

Năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	27
CÁC CHỮ VIẾT TẮT	28
GIỚI THIỆU CHUNG	29
1. Tên tài liệu:.....	4
2. Tổ chức xây dựng tài liệu:.....	4
3. Sự cần thiết xây dựng tài liệu.....	4
4. Mục đích của tài liệu hướng dẫn	29
PHẦN 1. THUẬT NGỮ VÀ QUY CHUẨN	30
I. KHÁI NIỆM CẤP NƯỚC AN TOÀN	30
II. MỘT SỐ THUẬT NGỮ	30
III. NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH	32
I. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH	32
1. Tổng quan quy trình.....	32
2. Trình tự xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh	32
Bước 1. Ban hành hướng dẫn đề xuất	32
Bước 2. Đề xuất nội dung kế hoạch	32
Bước 3. Tổng hợp và xây dựng Kế hoạch cấp tỉnh.....	33
II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH	34
1. Sự cần thiết.....	35
2. Đánh giá hiện trạng	35
3. Mục tiêu	35
4. Giải pháp thực hiện	35
5. Danh mục công trình.....	36
6. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước.....	36
PHẦN 3. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP	37
I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU	37
II. CƠ QUAN THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM	37
III. HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	37
IV. QUY TRÌNH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP ĐỊNH KỲ	37
1. Chuẩn bị kiểm tra.....	37
2. Nội dung kiểm tra tại hiện trường	37
3. Lập biên bản kiểm tra	38
4. Xếp loại	38
5. Thông báo và công khai kết quả	38
V. QUY TRÌNH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP ĐỘT XUẤT	38
1. Trường hợp thực hiện	38
2. Ban hành Quyết định	38
3. Nội dung kiểm tra	38
4. Kết quả.....	39
PHẦN 4. PHỤ LỤC	40

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BĐKH – Biến đổi khí hậu

BNMT – Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BPKS – Biện pháp kiểm soát

BVMT – Bảo vệ môi trường

CLN – Chất lượng nước

CNAT - Cấp nước an toàn

KHCNAT - Kế hoạch cấp nước an toàn

PCTT - Phòng chống thiên tai

QCVN - Quy chuẩn Việt Nam

TTNS&VSMT - Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường

UBND - Ủy ban nhân dân

GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên tài liệu: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh và kiểm tra, đánh giá độc lập kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

2. Tổ chức xây dựng tài liệu: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

3. Sự cần thiết xây dựng tài liệu

Cấp nước an toàn là phương pháp quản lý tổng thể nhằm kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong toàn bộ quá trình cấp nước từ nguồn nước, khai thác, xử lý, truyền tải, phân phối đến người sử dụng, bảo đảm nước sạch đạt quy chuẩn, cấp nước ổn định, liên tục và an toàn cho sức khỏe cộng đồng.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm và ô nhiễm nguồn nước ngày càng gia tăng, việc triển khai cấp nước an toàn là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, giảm thiểu rủi ro sự cố, tăng cường khả năng chống chịu và bảo đảm phát triển bền vững hệ thống cấp nước nông thôn.

Tài liệu “Hướng dẫn xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh và kiểm tra, đánh giá độc lập kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn” được biên soạn nhằm hỗ trợ các địa phương, cơ quan chuyên môn và đơn vị cấp nước triển khai thực hiện theo Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT (*sau đây gọi tắt là Thông tư 23*). Tài liệu cung cấp các nguyên tắc, nội dung, quy trình và hướng dẫn cần thiết phục vụ xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

4. Mục đích của tài liệu hướng dẫn

- Hướng dẫn thống nhất cho các địa phương trong việc xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát và điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cấp nước an toàn khu vực nông thôn, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và các đơn vị cấp nước trong quá trình thực hiện Kế hoạch;

- Hỗ trợ các địa phương đánh giá thực trạng, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện Kế hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nguồn lực của từng tỉnh;

- Hướng dẫn địa phương nội dung và cơ chế kiểm tra, đánh giá độc lập việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, được thực hiện định kỳ và đột xuất nhằm kịp thời phát hiện rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ, yêu cầu khắc phục tồn tại và công khai kết quả theo quy định;

- Góp phần bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục và bền vững cho người dân nông thôn, giảm thiểu rủi ro về chất lượng nước, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững.

PHẦN 1. MỘT SỐ THUẬT NGỮ VÀ QUY CHUẨN

I. KHÁI NIỆM KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN

Cách tiếp cận theo Kế hoạch cấp nước an toàn về bản chất là bảo vệ toàn bộ hệ thống bằng nhiều lớp “hàng rào bảo vệ” ở mọi công đoạn: từ đầu nguồn - quá trình xử lý - hệ thống mạng phân phối - cho tới vòi nước của hộ gia đình sử dụng, từ đó tạo ra khả năng phòng ngừa tối đa các rủi ro có thể xảy ra đối với hệ thống cấp nước. Do liên quan đến yêu cầu vận hành nhiều lớp “hàng rào bảo vệ” khác nhau nên để thực hiện KHCNAT ngoài nỗ lực của đơn vị cấp nước cần phải có sự tham gia của tất cả các bên liên quan như chính quyền và cộng đồng địa phương, các cơ quan Ban, ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể quần chúng và những người có chuyên môn cần thiết tại địa phương.

So với cách tiếp cận truyền thống chỉ quan tâm kết quả xét nghiệm chất lượng nước cuối cùng, không để ý tới các công đoạn trước đó, phương pháp tiếp cận theo KHCNAT có sự khác biệt căn bản đối với quản lý rủi ro là: *Chuyển từ giám sát đầu ra thành giám sát toàn bộ quá trình, theo đó giám sát thường xuyên toàn bộ hệ thống để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra trong bất kỳ một khâu nào trong toàn hệ thống để kịp thời ngăn chặn không cho lan rộng*. Đồng thời, việc kiểm tra, đánh giá độc lập của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn tại từng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là một cấu phần quan trọng, nhằm bảo đảm tính khách quan, đánh giá mức độ tuân thủ và kịp thời yêu cầu khắc phục các tồn tại, rủi ro trong toàn bộ hệ thống.

Sự khác biệt cụ thể của cách tiếp cận mới so với quan điểm cũ là:

- Mang tính phòng ngừa hơn là khắc phục sự cố;
- Mang tính thực hiện hằng ngày hơn là chỉ phản ứng khi phát hiện sự cố;
- Giảm sự lệ thuộc vào kết quả xét nghiệm nước đầu ra;
- Kết hợp giữa tự giám sát của đơn vị cấp nước và kiểm tra, đánh giá độc lập của cơ quan có thẩm quyền.

II. MỘT SỐ THUẬT NGỮ

1. Cấp nước an toàn là việc cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ số lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy định của pháp luật và kiểm soát được rủi ro theo kế hoạch cấp nước an toàn đã được phê duyệt, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát và đánh giá độc lập của cơ quan có thẩm quyền.

2. Kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là tập hợp các công việc cần thực hiện với những nội dung cụ thể nhằm phát hiện, phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro trên toàn bộ hệ thống cấp nước từ nguồn nước qua hệ thống thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng; được biên soạn thành một bản kế hoạch theo quy định để bảo đảm đơn vị cấp nước thực hiện đầy đủ các yêu cầu về cấp nước an toàn và là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch.

3. Bảo đảm cấp nước an toàn đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung là quá trình thực hiện các hoạt động đã được xác định nhằm phát hiện, phòng ngừa, giảm thiểu và loại bỏ các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước từ nguồn nước qua hệ thống thu nước, xử lý, dự trữ và phân phối đến khách hàng theo các nội dung trong kế hoạch cấp nước an toàn được phê duyệt; bao gồm cả việc theo dõi, giám sát nội bộ và kiểm tra, đánh giá độc lập để bảo đảm kế hoạch được thực hiện hiệu quả, liên tục và tuân thủ quy định.

III. NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Đảm bảo số lượng, chất lượng nước cấp và chất lượng dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động bền vững công trình.
2. Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phòng ngừa dịch bệnh, giảm thiểu các bệnh lây truyền qua đường nước.
3. Giảm tỷ lệ thất thoát nước, tiết kiệm nước và bảo vệ môi trường, sinh thái.

PHẦN 2. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH

I. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH (Thực hiện Điều 6 Thông tư 23)

1. Tổng quan quy trình

a) Mục tiêu: Là cơ sở để tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát và bố trí nguồn lực cho giai đoạn kế hoạch 05 năm.

b) Nguyên tắc thực hiện

- Tuân thủ đúng trình tự, thời hạn quy định;
- Thực hiện theo cơ chế đề xuất từ cơ sở (đơn vị cấp nước, UBND xã) - tổng hợp, xây dựng ở cấp tỉnh;
- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, có căn cứ kỹ thuật và đánh giá mức độ ưu tiên công trình.

c) Sản phẩm đầu ra của quy trình

- Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh (kỳ kế hoạch 05 năm) được UBND tỉnh phê duyệt;

- Danh mục các công trình cấp nước nông thôn tham gia thực hiện Kế hoạch;
- Hồ sơ đề xuất, tổng hợp, thuyết minh và các phụ lục kèm theo theo quy định.

2. Trình tự xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh

Bước 1. Ban hành hướng dẫn đề xuất

a) Chủ thể thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường

b) Thời gian và nội dung thực hiện: Trước ngày 30 tháng 3 của năm trước kỳ kế hoạch, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn đề xuất kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh gửi các đơn vị:

- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

(Mẫu số 01, Phụ lục II)

Bước 2. Đề xuất nội dung kế hoạch

a) Chủ thể thực hiện: Đơn vị cấp nước, Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thời hạn thực hiện: Trước ngày 30 tháng 4 của năm trước kỳ kế hoạch.

c) Nội dung thực hiện

c1) Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

- Rà soát, đánh giá hiện trạng công trình cấp nước do đơn vị quản lý, vận hành, bao gồm nguồn nước, công suất, phạm vi cấp nước, chất lượng nước và tình trạng hoạt động.

- Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cơ bản của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bảo đảm cấp nước an toàn theo quy định (thực hiện Điều 4 Thông tư 23) gồm: Bảo đảm cấp nước liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật; các hạng mục công trình thu, xử lý, trữ, phân phối nước sạch đến khách hàng được quản lý, vận hành, bảo dưỡng theo quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật; có phương án kiểm soát các nguy hại, rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong hệ thống từ nguồn nước đến khách hàng và

biện pháp cấp nước dự phòng trường hợp xảy ra gián đoạn cấp nước trên 48 giờ; có cơ chế quản lý tài chính rõ ràng, doanh thu đủ bù đắp chi phí và có tích lũy phục vụ công tác duy tu, sửa chữa nhỏ và khắc phục sự cố.

- Lập báo cáo và đề xuất nội dung kế hoạch, danh mục công trình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh (*Phụ lục I*) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (Đối với các công trình cấp nước nông thôn tập trung do đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước của tỉnh quản lý gửi hồ sơ đề xuất trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường).

- Sản phẩm

+ Tờ trình đề xuất nội dung kế hoạch cấp nước an toàn, kèm theo danh mục công trình đề xuất thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

+ Hồ sơ khác liên quan kèm theo.

(*Phụ lục I và Mẫu số 02, Phụ lục II*)

c2) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- UBND cấp xã là cơ quan tổng hợp và đề xuất, đầu mối rà soát công trình trên địa bàn xã và gửi hồ sơ lên cấp tỉnh (trừ các công trình do đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước của tỉnh).

- Phối hợp với đơn vị cấp nước rà soát các công trình cấp nước trên địa bàn;

- Tiếp nhận, rà soát và xác nhận nội dung báo cáo, đề xuất của đơn vị cấp nước;

- Tổng hợp hồ sơ đề xuất, đề xuất nội dung Kế hoạch và danh mục công trình bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn quản lý.

- Văn bản của UBND xã gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 03 Phụ lục II*), kèm theo Danh mục công trình cấp nước đề xuất (*Phụ lục I*).

Bước 3. Tổng hợp và xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn cấp tỉnh

- Chủ thể thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thời hạn: Trước ngày 30 tháng 5 của năm trước kỳ kế hoạch.

- Nội dung thực hiện:

+ Chủ trì tổng hợp đề xuất của UBND cấp xã và các đơn vị cấp nước;

+ Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, đánh giá và hoàn thiện nội dung Kế hoạch;

+ Xây dựng Kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Sản phẩm:

+ Tờ trình gửi UBND cấp tỉnh (*Phụ lục III*);

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh, danh mục công trình đề xuất (*Phụ lục I*).

3. Phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh

a) Chủ thể thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

b) Thời hạn: Trước ngày 30 tháng 6 của năm trước kỳ kế hoạch

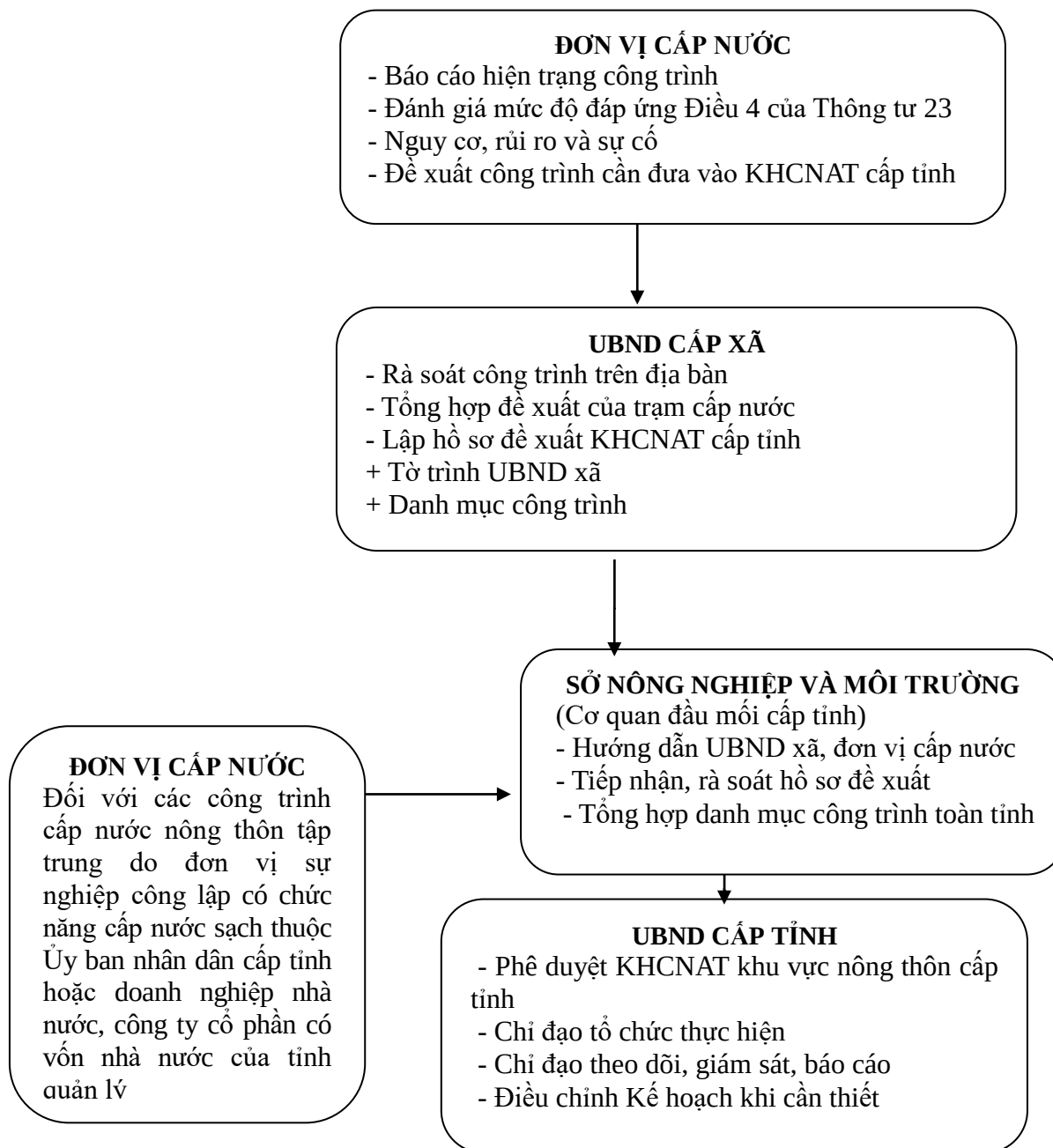
c) Nội dung thực hiện

- Xem xét, phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh;

- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định;

- Sản phẩm: Quyết định phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh (Phụ lục IV).

Sơ đồ 1. Sơ đồ tổ chức xây dựng Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh



II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH (Thực hiện Điều 5 Thông tư 23)

Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh được xây dựng nhằm bảo đảm việc cung cấp nước sạch ổn định, liên tục, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng và an toàn sức khỏe cho người dân nông thôn; đồng thời chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trong toàn bộ chuỗi cấp nước. Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh còn là văn bản quản lý tổng hợp, định hướng và tổ chức thực hiện các giải pháp bảo đảm cấp

nước an toàn trên địa bàn tỉnh trong kỳ kế hoạch 05 năm. Nội dung kế hoạch gồm các thành phần chính sau:

1. Sự cần thiết

- Yêu cầu của pháp luật về bảo đảm cấp nước an toàn;
- Nhận định chung về khả năng chống chịu với các rủi ro bất ngờ để đảm bảo cấp nước của hệ thống công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;
- Các nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến an toàn cấp nước tại địa phương (nguồn nước, công trình, vận hành, thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường);
- Nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững khu vực nông thôn.

2. Đánh giá hiện trạng

- Hiện trạng nguồn nước khai thác; mức độ ổn định, chất lượng và nguy cơ ô nhiễm nguồn nước;
- Hiện trạng và phân loại các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đang hoạt động trên địa bàn tỉnh (quy mô, công suất, công nghệ xử lý, tình trạng hoạt động), những khu vực có điều kiện thuận lợi và cần ưu tiên triển khai cấp nước an toàn sớm;
- Khái quát hiện trạng công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình;
- Khái quát về chất lượng nước cung cấp, mức độ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;
- Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: Bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục, bền vững cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh;
- Mục tiêu cụ thể: Nâng cao tỷ lệ công trình thực hiện cấp nước an toàn; kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cấp nước; cải thiện chất lượng nước và hiệu quả quản lý, vận hành công trình.

4. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp kỹ thuật

- Hoàn thiện, nâng cấp các hạng mục công trình thu, xử lý, trữ và phân phối nước.
- Tăng cường khả năng dự phòng, bảo đảm cấp nước trong điều kiện sự cố, thiên tai, biến đổi khí hậu.

b) Giải pháp quản lý, vận hành

- Chuẩn hóa quy trình vận hành, bảo dưỡng công trình.
- Nâng cao năng lực cho đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước.

c) Giải pháp giám sát chất lượng nước

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xét nghiệm chất lượng nước; thực hiện cảnh báo sớm và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn nước sạch; đồng thời giám sát, quan trắc trữ lượng, lưu lượng và diễn biến nguồn nước, đặc biệt tại các khu vực khan hiếm nước, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới, làm cơ sở đánh giá khả năng cấp nước và đề xuất phương án cấp nước phù hợp.

d) Giải pháp truyền thông và sự tham gia của cộng đồng

- Nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch an toàn.
- Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong giám sát và bảo vệ công trình cấp nước.

5. Danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn thực hiện Kế hoạch (Thực hiện Điều 4 Thông tư 23)

Việc đề xuất danh mục công trình được thực hiện trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cơ bản của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bảo đảm cấp nước an toàn (*Phụ lục I*).

6. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

- Lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của công trình theo quy định;
- Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị cấp nước được tính vào giá thành sản xuất nước sạch theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;
- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm kinh phí thực hiện cấp nước an toàn tại công trình.

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá khách quan việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn tại các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.
- Kịp thời phát hiện các tồn tại, rủi ro, nguy cơ mất an toàn cấp nước để đề xuất biện pháp khắc phục.
- Làm cơ sở xếp loại, công khai thông tin và quản lý danh mục công trình cấp nước an toàn trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính độc lập, khách quan, minh bạch.
- Thực hiện đúng quy trình, nội dung theo quy định.
- Kết quả đánh giá phải cụ thể, có căn cứ, có kiến nghị rõ ràng.

II. CƠ QUAN THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM

1. Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chủ trì.

2. Trách nhiệm chính

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm.
- Tổ chức đoàn kiểm tra.
- Tổng hợp, công bố và lưu trữ kết quả.
- Kiến nghị xử lý đối với công trình không đạt.

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Định kỳ: Thực hiện hàng năm.

2. Đột xuất: Khi có dấu hiệu rủi ro, sự cố hoặc phản ánh từ cộng đồng.

IV. QUY TRÌNH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP ĐỊNH KỲ

1. Chuẩn bị kiểm tra

Ban hành Quyết định kiểm tra, gồm: Trưởng đoàn, các thành viên; nội dung kiểm tra; thời gian thực hiện không quá 02 ngày làm việc/01 công trình, trừ các trường hợp công trình có tính đặc thù; gửi Quyết định cho đơn vị cấp nước trước ít nhất 05 ngày làm việc.

2. Nội dung kiểm tra tại hiện trường, gồm các nhóm nội dung chính:

a) Công tác xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn

- Có kế hoạch được phê duyệt.
- Cập nhật định kỳ.
- Phù hợp thực tế công trình.

b) Quản lý rủi ro và nguồn nước

- Đánh giá nguy cơ ô nhiễm nguồn nước.
- Biện pháp bảo vệ nguồn nước.
- Vùng bảo hộ vệ sinh.

c) Công trình và vận hành

- Tình trạng hoạt động của hệ thống.
- Hồ sơ quy trình vận hành, bảo trì.
- Kiểm soát rủi ro, sự cố.

d) Chất lượng nước

- Kết quả xét nghiệm định kỳ.
- So sánh với quy chuẩn.
- Hồ sơ lưu trữ.

đ) Quản lý và hồ sơ

- Nhật ký vận hành.
- Hồ sơ kiểm soát rủi ro.
- Phương án ứng phó sự cố.

3. Lập biên bản kiểm tra

- Thực hiện ngay sau khi kết thúc kiểm tra.
- Nội dung kiểm tra: kết quả kiểm tra chi tiết; nhận xét, đánh giá kết luận chung.
- Có chữ ký của: Trưởng đoàn kiểm tra, đại diện đơn vị cấp nước.

(Mẫu tại Phụ lục V).

4. Xếp loại

5. Thông báo và công khai kết quả

- Thông báo kết quả cho đơn vị cấp nước trong vòng 05 ngày làm việc.
- Công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, gồm: tên công trình, đơn vị cấp nước, cơ quan kiểm tra, thời gian kiểm tra, kết quả xếp loại.

V. QUY TRÌNH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP ĐỘT XUẤT

1. Trường hợp thực hiện

- Có phản ánh của người dân, tổ chức.
- Xảy ra sự cố cấp nước (thiếu nước, gián đoạn cấp nước).
- Sự cố môi trường ảnh hưởng nguồn nước cấp cho sản xuất nước sạch.
- Kết quả xét nghiệm hoặc dịch tễ bất thường.

2. Ban hành Quyết định kiểm tra.

3. Nội dung kiểm tra

- Nguồn nước và khu vực khai thác.
- Chất lượng nước thực tế.
- Quy trình vận hành.
- Nguyên nhân sự cố.

- Hồ sơ quản lý liên quan.

4. Kết quả

- Lập biên bản kiểm tra đối với các nội dung kiểm tra đột xuất (*tham khảo mẫu tại Phụ lục V*).
- Xác định nguyên nhân.
- Yêu cầu đơn vị cấp nước: đánh giá lại rủi ro, sự cố; đề xuất giải pháp khắc phục; báo cáo kết quả thực hiện.

PHẦN 4. PHỤ LỤC

Phụ lục I

MẪU DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...)

TT	Tên công trình	Năm đưa vào sử dụng	Công suất phục vụ (m ³ /ngày đêm)	Số hộ cấp nước	Nguồn nước cấp	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước an toàn	Đơn vị thực hiện cấp nước an toàn	Nội dung chính
1									
2									
3									
...									

Phụ lục II
CÁC MẪU VĂN BẢN HÀNH CHÍNH
Mẫu số 01: Hướng dẫn đề xuất nội dung kế hoạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/SNNMT-.....

V/v hướng dẫn đề xuất nội dung kế hoạch cấp nước
an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh giai đoạn

....., ngày tháng năm

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị cấp nước.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ vào Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT;

- Căn cứ vào Chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VĂN BẢN

Nhằm triển khai xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh giai đoạn (05 năm) theo đúng quy định, bảo đảm lựa chọn các công trình cấp nước đáp ứng yêu cầu cấp nước an toàn, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị cấp nước đề xuất nội dung Kế hoạch như sau:

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ĐỀ XUẤT

1. Đối tượng thực hiện đề xuất

Ủy ban nhân dân cấp xã;

Các đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung đề xuất Kế hoạch

- Các đơn vị thực hiện rà soát, đề xuất nội dung kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh, danh mục công trình cấp nước đề xuất đưa vào Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

+ Bảo đảm cấp nước liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật.

+ Các hạng mục công trình thu, xử lý, trữ, phân phối nước sạch đến khách hàng được quản lý, vận hành, bảo dưỡng theo quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Có phương án kiểm soát các nguy hại, rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong hệ thống từ nguồn nước đến khách hàng và biện pháp cấp nước dự phòng trường hợp xảy ra gián đoạn cấp nước trên 48 giờ.

+ Có cơ chế quản lý tài chính rõ ràng, doanh thu đủ bù đắp chi phí và có tích lũy phục vụ công tác duy tu, sửa chữa nhỏ và khắc phục sự cố.

- Đánh giá sơ bộ hiện trạng cấp nước và mức độ đáp ứng yêu cầu cấp nước an toàn của từng công trình;

- Đề xuất các nhu cầu, giải pháp nhằm bảo đảm cấp nước an toàn trong kỳ kế hoạch.

3. Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bao gồm:

- Văn bản đề xuất của UBND cấp xã hoặc đơn vị cấp nước;

- Danh mục công trình cấp nước đề xuất (Phụ lục I ban hành kèm theo Hướng dẫn);

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

IV. THỜI HẠN VÀ ĐỊA CHỈ TIẾP NHẬN

Thời hạn gửi hồ sơ đề xuất: Trước ngày 30 tháng 4 năm ...

Địa chỉ tiếp nhận: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

(Địa chỉ:)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị cấp nước nghiêm túc triển khai thực hiện, bảo đảm nội dung đề xuất đúng yêu cầu, đúng thời hạn để Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Mẫu Tờ trình của Đơn vị cấp nước

TÊN ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-TCN

.....,ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

**Về việc đề xuất nội dung Kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình cấp nước
nông thôn tập trung**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã(1)

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh(2)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT;

- Văn bản hướng dẫn số/SNNMT-..... ngày của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề xuất Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh giai đoạn

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Tên công trình:

Địa điểm: xã, tỉnh

Đơn vị quản lý, vận hành:

Quy mô công suất thực tế: m³/ngày đêm

Số hộ dân/đồng hồ đầu nối đang phục vụ:

Nguồn nước khai thác: Nước mặt ☐ Nước ngầm ☐ Khác (ghi rõ)

III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẤP NƯỚC AN TOÀN

1. Bảo đảm cấp nước liên tục, ổn định

Số giờ cấp nước trung bình/ngày: giờ/ngày

Tình trạng gián đoạn cấp nước (nếu có):

Chất lượng nước đầu ra: ☐ Đạt ☐ Chưa đạt (theo QCVN hiện hành)

2. Quản lý, vận hành và bảo dưỡng công trình

Có quy trình vận hành, bảo dưỡng: ☐ Có ☐ Chưa

Tình trạng các hạng mục thu – xử lý – trữ – phân phối:

Hồ sơ kỹ thuật, nhật ký vận hành: ☐ Đầy đủ ☐ Chưa đầy đủ

3. Kiểm soát rủi ro, sự cố và cấp nước dự phòng

Đã thực hiện đánh giá rủi ro hệ thống: ☐ Có ☐ Chưa

Có phương án ứng phó sự cố: ☐ Có ☐ Chưa

Biện pháp cấp nước dự phòng khi gián đoạn >48 giờ:

4. Cơ chế quản lý tài chính

Doanh thu có bù đắp chi phí vận hành: ☐ Có ☐ Chưa

Có quỹ duy tu, sửa chữa nhỏ: ☐ Có ☐ Chưa

Các khó khăn về tài chính (nếu có):

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả đánh giá nêu trên, đơn vị cấp nước kính đề nghị:

Đưa công trình vào Danh mục công trình thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh giai đoạn—.....

Xem xét hỗ trợ (nếu có):

☐ Hoàn thiện hồ sơ KHCNAT

☐ Đào tạo, tập huấn

☐ Hỗ trợ kỹ thuật/đầu tư nâng cấp công trình

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Danh mục công trình chi tiết theo **Phụ lục I** ban hành kèm theo Hướng dẫn;

Các tài liệu, hồ sơ liên quan khác (nếu có).

Kính trình Ủy ban nhân dân xã/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh xem xét, tổng hợp và báo theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Áp dụng cho các đơn vị cấp nước trên địa bàn xã;

(2) Áp dụng cho các công trình cấp nước nông thôn tập trung do đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước của tỉnh quản lý.

Mẫu số 03: Mẫu tờ trình của UBND cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Số:/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

**Về việc đề xuất Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh
giai đoạn (05 năm)**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ vào Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT;

- Căn cứ vào Văn bản số/SNNMT-..... ngày .../.../..... của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn đề xuất Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh;

- Căn cứ vào Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý cấp nước sạch nông thôn.

II. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG CẤP NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

Tình hình công trình cấp nước nông thôn

Tổng số công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung: công trình;

Loại hình công trình: (nước mặt/nước ngầm/hỗn hợp);

Đơn vị quản lý, vận hành:

Thực trạng bảo đảm cấp nước an toàn

Tình hình cấp nước (liên tục, gián đoạn, đáp ứng nhu cầu);

Các tồn tại, rủi ro chính ảnh hưởng đến an toàn cấp nước;

Khả năng đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Thông tư 23/2022/TT-BNNPTNT.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH

- Danh mục công trình đề xuất:

+ Ủy ban nhân dân xã đề xuất danh mục các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đưa vào Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh giai đoạn, cụ thể tại Danh mục kèm theo.

- Đánh giá mức độ ưu tiên:

+ Các công trình được đánh giá, chấm điểm mức độ ưu tiên theo Bảng chấm điểm ưu tiên công trình cấp nước (theo mẫu thống nhất), làm căn cứ lựa chọn đưa vào Kế hoạch cấp tỉnh.

- Nhu cầu và kiến nghị

+ Nhu cầu hỗ trợ về kỹ thuật, quản lý, đào tạo;

+ Nhu cầu đầu tư, nâng cấp, sửa chữa (nếu có);

+ Kiến nghị đưa các công trình có mức độ ưu tiên cao vào Kế hoạch cấp tỉnh.

IV. HỒ SƠ KÈM THEO

- Danh mục công trình cấp nước đề xuất;

- Báo cáo/phiếu rà soát hiện trạng công trình (nếu có);

- Các tài liệu liên quan khác.

V. ĐỀ NGHỊ

Ủy ban nhân dân xã kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, tổng hợp các nội dung đề xuất nêu trên để đưa vào kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục III

MẪU TỜ TRÌNH CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

**SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-SNNMT

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt danh mục công trình cấp nước nông thôn thực hiện
Kế hoạch cấp nước an toàn cấp tỉnh**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT;

- Các Tờ trình đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã/đơn vị cấp nước;

- Kết quả tổng hợp, đánh giá của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung sau:

II. QUÁ TRÌNH TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã:

- Hướng dẫn các địa phương tổ chức rà soát, đánh giá công trình cấp nước;

- Tổng hợp đề xuất của các xã;

- Rà soát, đánh giá lại mức độ phù hợp, tính khách quan và khả năng triển khai thực tế.

III. KẾT QUẢ ĐỀ XUẤT DANH MỤC CÔNG TRÌNH

Trên cơ sở kết quả tổng hợp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Danh mục công trình cấp nước nông thôn ưu tiên thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn cấp tỉnh, chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

IV. KIẾN NGHỊ

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xem xét, phê duyệt Danh mục công trình cấp nước nông thôn ưu tiên thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn cấp tỉnh;

Hướng dẫn xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh
và kiểm tra, đánh giá độc lập kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện;
- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị cấp nước thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo Kế hoạch được phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục IV
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN
KHU VỰC NÔNG THÔN CẤP TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

.....

Số:/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh
giai đoạn-.....**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT;
- Xét Tờ trình số/TTr-SNNMT ngày tháng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh

Phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh giai đoạn-....., với các nội dung chính bao gồm:

- Đánh giá sự cần thiết và thực trạng cấp nước nông thôn: Đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh; mức độ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước; các nguy cơ, rủi ro ảnh hưởng đến an toàn cấp nước.

- Mục tiêu của Kế hoạch

+ Mục tiêu tổng quát: Bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục, bền vững cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh;

+ Mục tiêu cụ thể: Nâng cao tỷ lệ công trình thực hiện cấp nước an toàn; kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cấp nước; cải thiện chất lượng nước và hiệu quả

quản lý, vận hành công trình; Mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn và nhóm công trình trên địa bàn tỉnh.

- Danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh tại Phụ lục I kèm theo.

- Các nhóm giải pháp thực hiện Kế hoạch, gồm:

- + Giải pháp kỹ thuật, nâng cao an toàn công trình và chất lượng nước;

- + Giải pháp quản lý, vận hành và kiểm soát rủi ro;

- + Giải pháp giám sát chất lượng nước và an toàn cấp nước;

- + Giải pháp truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch

- + Kinh phí thực hiện kế hoạch an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh: từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác;

- + Kinh phí thực hiện kế hoạch an toàn cấp công trình: do đơn vị cấp nước bố trí và tính vào giá thành nước sạch theo quy định.

- Theo dõi, giám sát và báo cáo thực hiện Kế hoạch; Quy định cơ chế theo dõi, đánh giá, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn theo định kỳ và yêu cầu quản lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Các sở, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp triển khai các nội dung của Kế hoạch.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị cấp nước tổ chức thực hiện Kế hoạch tại địa phương; theo dõi, giám sát tình hình cấp nước an toàn trên địa bàn.

- Các đơn vị cấp nước có trách nhiệm lập và thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn tại công trình; báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....

CHỦ TỊCH

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục V

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI TỪNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP

Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công trình:
2. Địa chỉ:
3. Thông tin chung về công trình:
4. Tên đơn vị quản lý vận hành công trình:
5. Ngày kiểm tra, đánh giá:
6. Hình thức kiểm tra, đánh giá:
7. Thành phần Đoàn kiểm tra, đánh giá:
8. Đại diện đơn vị cấp nước:

II. NHÓM CHỈ TIÊU KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
A. CAM KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN				
	1. Cam kết của đơn vị cấp nước về thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 05 điểm. - Điểm 5: Cam kết thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn được thể hiện trong quy chế hoạt động của đơn vị cấp nước và hợp đồng cung cấp, tiêu thụ nước sạch. - Điểm 3: Cam kết thực hiện kế hoạch cấp			

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
	<i>nước an toàn chỉ thể hiện trong quy chế hoạt động của đơn vị cấp nước hoặc hợp đồng cung cấp, tiêu thụ nước sạch. - Điểm 0: Không thực hiện nội dung nêu trên.</i>			
B. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN				
1. Mô tả và đánh giá hiện trạng công trình cấp nước				
1.1 Nguồn nước	2. Mô tả đầy đủ nguồn nước, số lượng và chất lượng nguồn nước. 3. Mô tả đầy đủ các hoạt động ở lưu vực, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 03 điểm. - Điểm 3: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 1: Thực hiện thiếu 1 nội dung hoặc có đủ 2 nội dung nhưng việc mô tả chưa đầy đủ. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
1.2 Hệ thống xử lý nước	4. Mô tả đầy đủ thiết bị xử lý nước và các thao tác vận hành thiết bị. 5. Mô tả hóa chất được sử dụng trong xử lý nước. 6. Sơ đồ hoặc bản đồ công nghệ thể hiện đầy đủ quá trình xử lý nước. 7. Chất lượng nước sau xử lý. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 03 điểm. - Điểm 3: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 2: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên hoặc đủ 4 nội dung nhưng việc mô tả chưa đầy đủ. - Điểm 1: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên hoặc chỉ có phần mô tả sơ đồ hoặc bản đồ.			
1.3 Mạng phân phối nước sạch	8. Mô tả đầy đủ lưới mạng phân phối (mạng cấp 1, cấp 2, cấp 3, các van xả khí, xả cặn, đồng hồ đo lượng nước...).			

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
	9. Thống kê các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống và biện pháp khắc phục. 10. Lượng nước, áp lực nước, chất lượng nước cấp. 11. Thời gian cấp nước trong ngày. Tỷ lệ thất thoát nước. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 03 điểm. - Điểm 3: Thực hiện đầy đủ 4 nội dung nêu trên. - Điểm 1: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
1.4 Khu vực khách hàng	12. Mô tả hình thức trữ nước của khách hàng. 13. Tỷ lệ dùng nước của khách hàng: ăn uống, sinh hoạt, mục đích khác. 14. Chất lượng nước đến khách hàng. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 03 điểm. - Điểm 3: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 2: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên hoặc đủ 3 nội dung nhưng việc mô tả chưa đầy đủ, chi tiết. - Điểm 1: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
1.5 Nhật ký vận hành công trình	15. Nhật ký vận hành công trình, có ghi lại các sự cố đã xảy ra nếu có. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 03 điểm. - Điểm 3: Có nhật ký vận hành công trình, ghi lại các sự cố đã xảy ra. - Điểm 1: Có nhật ký vận hành công trình, không ghi lại sự cố đã xảy ra nếu có. - Điểm 0: Không thực hiện nội dung nêu trên.			
2. Đánh giá nội dung nguy hại, rủi ro, sự cố có thể xảy ra đối với công trình cấp nước				
2.1 Mô tả nội dung nguy hại	16. Mô tả đầy đủ nội dung nguy hại từ nguồn nước.			

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
	17. Mô tả đầy đủ nội dung nguy hại từ công trình xử lý nước. 18. Mô tả đầy đủ nội dung nguy hại từ mạng phân phối nước sạch. 19. Mô tả đầy đủ nội dung nguy hại khu vực khách hàng. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 07 điểm. - Điểm 7: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 5: Thực hiện 3 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 3: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 1: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
2.2. Đánh giá mức độ tác động rủi ro	20. Đánh giá mức độ tác động rủi ro nghiêm trọng, ít nghiêm trọng và giới hạn mất an toàn từ nguồn nước. 21. Đánh giá mức độ tác động rủi ro nghiêm trọng, ít nghiêm trọng và giới hạn mất an toàn từ công trình xử lý nước. 22. Đánh giá mức độ tác động rủi ro nghiêm trọng, ít nghiêm trọng và giới hạn mất an toàn từ mạng phân phối nước sạch. 23. Đánh giá mức độ tác động rủi ro nghiêm trọng, ít nghiêm trọng và giới hạn mất an toàn từ khu vực khách hàng. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 07 điểm. - Điểm 7: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 5: Thực hiện 3 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 3: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 1: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung			

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
	<i>nêu trên.</i>			
2.3 Đánh giá sự cố có thể xảy ra	24. Đánh giá sự cố có thể xảy ra theo mức độ nghiêm trọng, ít nghiêm trọng từ nguồn nước. 25. Đánh giá sự cố có thể xảy ra theo mức độ nghiêm trọng, ít nghiêm trọng từ công trình xử lý nước. 26. Đánh giá sự cố có thể xảy ra theo mức độ nghiêm trọng, ít nghiêm trọng từ mạng phân phối nước sạch. 27. Đánh giá sự cố có thể xảy ra theo mức độ nghiêm trọng, ít nghiêm trọng từ khu vực khách hàng. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 07 điểm. - Điểm 7: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 5: Thực hiện 3 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 3: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 1: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên			
3. Xây dựng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch cải thiện				
3.1. Xác định biện pháp kiểm soát hiện có	28. Đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục sự cố đang áp dụng theo mức độ nghiêm trọng và ít nghiêm trọng. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 05 điểm. - Điểm 5: Thực hiện đầy đủ nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
3.2. Xây dựng các biện pháp kiểm soát,	29. Xây dựng đầy đủ các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục sự cố bổ sung theo mức độ nghiêm trọng và ít nghiêm trọng.			

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
phòng ngừa và khắc phục sự cố bổ sung và lập kế hoạch triển khai thực hiện	30. Lập kế hoạch triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các sự cố theo mức độ ưu tiên, cải thiện từng bước. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 07 điểm. - Điểm 7: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 3: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
4. Kế hoạch, quy trình kiểm soát và ứng phó trong trường hợp vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp và khắc phục sự cố xảy ra (nếu có)				
4.1. Xây dựng kịch bản, quy trình kiểm soát, phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố	31. Xây dựng kịch bản, quy trình kiểm soát, phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố trong trường hợp vận hành mất kiểm soát theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 05 điểm - Điểm 5: Thực hiện đầy đủ nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện nội dung nêu trên.			
4.2. Trường hợp xảy ra sự cố	32. Khắc phục sự cố kịp thời, đảm bảo số lượng và chất lượng nước, không gián đoạn mất nước trên 48h (đã xảy ra sự cố) Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 10 điểm. - Điểm 10: Thực hiện đầy đủ nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện nội dung nêu trên.			
5. Xây dựng chương trình và thực hiện kiểm tra, đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát và kế hoạch cấp nước an toàn				
5.1. Xây dựng chỉ số kiểm tra và chương trình kiểm tra, đánh giá nội bộ	33. Xây dựng các chỉ số kiểm tra và giới hạn kiểm soát. 34. Xây dựng chương trình kiểm tra, đánh giá nội bộ thường xuyên, định kỳ và đột xuất. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 05 điểm.			

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
	- Điểm 5: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 3: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
5.2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá nội bộ	35. Thực hiện kiểm tra, đánh giá nội bộ thường xuyên đáp ứng yêu cầu. 36. Thực hiện kiểm tra, đánh giá nội bộ định kỳ và có biên bản kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu. 37. Thực hiện kiểm tra, đánh giá nội bộ đột xuất. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 10 điểm. - Điểm 10: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 5: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên. - Điểm 3: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên - Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
6. Xây dựng và thực hiện quản lý dữ liệu về kế hoạch cấp nước an toàn				
6.1 Xây dựng và thực hiện quản lý dữ liệu về kế hoạch cấp nước an toàn	38. Xây dựng, lưu trữ và thực hiện quản lý các tài liệu thuộc kế hoạch cấp nước an toàn, quy trình quản lý vận hành, hồ sơ khách hàng, kết quả kiểm tra đánh giá nội bộ và độc lập. 39. Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại và phản ánh của khách hàng, cộng đồng. 40. Xây dựng các chương trình hỗ trợ. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 07 điểm. - Điểm 7: Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên. - Điểm 5: Thực hiện 2 trong các nội dung nêu trên - Điểm 3: Thực hiện 1 trong các nội dung nêu trên.			

Chỉ tiêu	Các tiêu chí cần đánh giá	Điểm/bình luận và chứng cứ cho điểm		Khuyến nghị cải thiện
		Điểm	Bình luận và chứng cứ	
	- Điểm 0: Không thực hiện các nội dung nêu trên.			
C. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC CẤP				
	41. Kết quả xét nghiệm chất lượng nước cấp. Hướng dẫn cho điểm: Tối đa 10 điểm. Điểm 10: Kết quả xét nghiệm chất lượng nước cấp đạt theo quy chuẩn hiện hành. Điểm 0: Kết quả xét nghiệm chất lượng nước cấp không đạt theo quy chuẩn hiện hành.			

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ

1. TRƯỜNG HỢP CÔNG TRÌNH (ĐÃ XẢY RA SỰ CỐ)

Lĩnh vực đánh giá	Điểm đánh giá hiện hành		Điểm đánh giá trước (nếu có)	Đánh giá định tính (đạt/đạt, cần có điều chỉnh, hoàn thiện/ không đạt)
	Điểm số nhận được	Điểm số tối đa có thể		
A. Cam kết thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn		5		
B. Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn		85		
C. Kết quả xét nghiệm chất lượng nước cấp		10		
Tổng điểm (--/100): _____				
Xếp thứ tự tổng điểm:				
70-100	41-69		0 - 40	
Đạt	Đạt, cần có điều chỉnh, hoàn thiện		Không đạt	

2. TRƯỜNG HỢP CÔNG TRÌNH (KHÔNG XẢY RA SỰ CỐ)

Lĩnh vực đánh giá	Điểm đánh giá hiện hành	Điểm đánh giá trước	Đánh giá định tính (đạt/đạt, cần có điều chỉnh, hoàn thiện/ không đạt)
-------------------	-------------------------	---------------------	--

Hướng dẫn xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh
và kiểm tra, đánh giá độc lập kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn

	Điểm số nhận được	Điểm số tối đa có thể	(nếu có)	cần có điều chỉnh, hoàn thiện/không đạt)
A. Cam kết thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn		5		
B. Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn		75		
C. Kết quả xét nghiệm chất lượng nước cấp		10		
Tổng điểm (--/90): _____				
Xếp thứ tự tổng điểm:				
60-90	31-59		0 - 30	
Đạt	Đạt, cần có điều chỉnh, hoàn thiện		Không đạt	

CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....

.....

III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC

.....

.....

....., ngày.....tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC
ĐƯỢC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA,
ĐÁNH GIÁ
(Ký tên)